TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 259/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Vinh.
- Ông Trịnh Xuân Tùng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 01tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị G, sinh năm 1981. Địa chỉ: 115/1 ấp AH, xã AQ, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Võ Thành L, sinh năm 1977. Địa chỉ: 89/3 ấp AB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị G trình bày:

Vào năm 2009 chị và anh Võ Thành L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AQ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2009. Trong thời gian sống chung anh, chị có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/6/2009, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh L là do khoảng năm 2014 gia đình thiếu nợ, chị thì bị tai nạn nhưng anh L tự ý bỏ nhà đi không chăm lo cho chị và gia đình, do đó chị và anh L không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay,

hai bên gia đình có tìm cách hàn gắn tình cảm cho anh, chị nhưng không thành. Nhận thấy chị và anh L có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành L.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/6/2009, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Võ Thành L đã được Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị G và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị G và anh L đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị G và anh L mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Võ Thành L có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại ấp AB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: anh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị G và anh Võ Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã AQ, huyện P và được cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/7/2009. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị G và anh L được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị G xin ly hôn với anh L là do chị và anh L bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau. Xét thấy: chị G và anh L không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ năm 2014 cho đến nay, anh L biết rõ chị G có yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị G và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị G và anh Võ Thành L có con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/6/2009. Xét thấy: từ khi chị G và anh L không còn sống chung con chung do chị G trực tiếp nuôi dưỡng; con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Đồng thời cháu Ngọc Y có nguyện vọng sống chung với chị G. Lẽ đó, việc chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Chị Nguyễn Thị G phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G. Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Võ Thành L. Chị Nguyễn Thị G và anh Võ Thành L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị G được trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/6/2009. Do chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Võ Thành L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Võ Thành L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị G và anh Võ Thành L có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị G phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012189 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã AQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ